



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319...../QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Công nghệ thực phẩm

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Mã ngành: 7540101

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Chuyên Ngành: Bảo quản chế biến NSTP và dinh dưỡng người

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	202112	Toán cao cấp B1	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
3	202201	Vật lý 1	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
4	202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	1	30	0	30	0	0	0	1	1			
5	202301	Hóa học đại cương	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
6	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1	30	0	30	0	0	0	1	1			
7	202401	Sinh học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
8	202402	Thực hành Sinh học Đại cương	1	30	0	30	0	0	0	1	1			
9	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
10	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
11	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	2	200101		
12	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
13	200202	Quân sự 2 (thực hành)*	3	90	0	90	0	0	0	1	2			
14	202113	Toán cao cấp B2	2	30	30	0	0	0	0	1	2	202112		
15	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2			
16	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
17	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213603		
18	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	1	2			
19	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	1	200102		



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: **3319**...../QĐ-ĐHNH-ĐT, ngày **08** tháng **8** năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Công nghệ thực phẩm
Mã ngành: 7540101
Chuyên Ngành: Bảo quản chế biến NSTP và dinh dưỡng người
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
20	202121	Xác suất thống kê	3	45	45	0	0	0	0	2	1	202113		
21	210260	Anh văn học thuật	2	30	30	0	0	0	0	2	1	213604		
22	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	2	2	200103		
23	200105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	3	1	200107		
Cộng			50	915	615	210	90	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	202621	Xã hội học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
2	208453	Marketing căn bản	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
Cộng			4	60	60	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0102 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	202605	Kinh tế học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
2	210605	Kế toán đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
3	211301	Công nghệ SH đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					
2. Khối kiến thức cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	210204	Hóa sinh đại cương	3	60	30	30	0	0	0	2	1	202401 202301		
2	210318	Nhiệt kỹ thuật thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	2	1	202201		
3	210319	Kỹ năng phòng thí nghiệm	1	30	0	30	0	0	0	2	1	202301		
4	210502	Dinh dưỡng cơ sở	2	30	30	0	0	0	0	2	1	202301		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 33.19...../QĐ-DHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Công nghệ thực phẩm

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Mã ngành: 7540101

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Chuyên Ngành: Bảo quản chế biến NSTP và dinh dưỡng người

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
5	203516	Vi sinh học đại cương	3	60	30	30	0	0	0	2	2	202401		
6	210209	Phụ gia thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	2	2	210204		
7	210335	Thống kê ứng dụng và phương pháp thí nghiệm	3	60	30	30	0	0	0	2	2	202121		
8	210518	Phân tích thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	2	2	210204		
9	210905	Rèn nghề 1	2	60	0	60	0	0	0	2	2	210204		
10	210320	Kỹ năng báo cáo học thuật	1	15	15	0	0	0	0	3	1	210335		
11	210367	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	45	0	0	0	0	3	1	210335		
12	210371	Kỹ thuật thực phẩm 1	3	45	45	0	0	0	0	3	1	210318		
13	210506	An toàn vệ sinh thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	3	2	210103 210251		
14	210559	Quản lý chất lượng trong Công nghệ thực phẩm	3	45	45	0	0	0	0	3	2	210251 210103		
15	210906	Rèn nghề 2	2	60	0	60	0	0	0	3	2	210905		
Cộng			35	660	390	270	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	203703	Chăn nuôi đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
2	204534	Nông học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
3	206109	Thủy sản đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0202 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	210601	Luật thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	2	2	210204		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: **33.19**.../QĐ-DHNL-ĐT, ngày **02** tháng **8** năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Công nghệ thực phẩm

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Mã ngành: 7540101

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Chuyên Ngành: Bảo quản chế biến NSTP và dinh dưỡng người

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
2	210602	Quản lý dự án trong công nghệ thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	2	2	202121		
3	210603	Đại cương về quản trị kinh doanh công nghệ thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	2	2	202121		
4	210604	Đại cương về quản trị sản xuất công nghệ thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	2	2	202121		
Cộng			8	120	120	0	0	0	0					
3. Khối kiến thức chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	210251	Hóa thực phẩm (A)	3	45	45	0	0	0	0	2	2	210204		
2	210103	Vi sinh thực phẩm (A)	4	75	45	30	0	0	0	3	1	203516 210204		
3	210110	Khoa học cảm quan và phân tích cảm quan thực phẩm	3	60	30	30	0	0	0	3	1	210335		
4	210263	Thực hành Hóa thực phẩm	1	30	0	30	0	0	0	3	1	210251		
5	210264	Anh văn chuyên ngành	2	30	30	0	0	0	0	3	1	213604		
6	210501	Quá trình chuyển hóa chất dinh dưỡng (A)	3	45	45	0	0	0	0	3	1	210204		
7	210516	Dinh dưỡng cộng đồng và đánh giá tình hình dinh dưỡng	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210502 210251		
8	210519	Sinh lý tiêu hóa	3	60	30	30	0	0	0	3	2	202401 210204		
9	210557	Xây dựng khẩu phần (A)	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210251		
10	210368	Báo cáo chuyên đề	2	30	30	0	0	0	0	4	1	210103 210251		
11	210509	Thực phẩm chức năng (A)	2	30	30	0	0	0	0	4	1	210251		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: **33.19**.../QĐ-DHNL-ĐT, ngày **09** tháng **8** năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Công nghệ thực phẩm

Mã ngành: 7540101

Chuyên Ngành: Bảo quản chế biến NSTP và dinh dưỡng người

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
12	210514	Độc tố học thực phẩm	2	30	30	0	0	0	0	4	1	210251 210209		
13	210515	Nhu cầu dinh dưỡng	3	60	30	30	0	0	0	4	1	210501 210204		
14	210517	Các nguy cơ gây bệnh từ tập quán dinh dưỡng	2	30	30	0	0	0	0	4	1	210502 210519		
Cộng			36	645	435	210	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 9 TC														
1	210201	Công nghệ Enzyme	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210204		
2	210203	Công nghệ sản xuất thức uống	4	75	45	30	0	0	0	3	2	210103 210251		
3	210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210371		
4	210316	Kỹ thuật lạnh và ứng dụng lạnh trong Công nghệ Thực phẩm	2	38	23	15	0	0	0	3	2	210251		
5	210321	Kỹ năng khởi nghiệp	1	15	15	0	0	0	0	3	2	210251		
6	210341	Công nghệ sau thu hoạch rau hoa quả	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210251 210103		
7	210372	Khoa học về thịt và công nghệ chế biến thịt	4	75	45	30	0	0	0	3	2	210251		
8	210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	3	60	30	30	0	0	0	3	2	210251 210371		
Cộng			23	443	248	195	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 6 TC														
1	210324	Các chất làm ngọt và công nghệ đường mía	3	53	38	15	0	0	0	4	1	210251		



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: **33.19**.../QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày **08** tháng **1** năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Công nghệ thực phẩm

Mã ngành: 7540101

Chuyên Ngành: Bảo quản chế biến NSTP và dinh dưỡng người

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
2	210331	Công nghệ bảo quản và chế biến ngũ cốc và củ cho bột	3	60	30	30	0	0	0	4	1	210371 210251		
3	210332	Công nghệ chế biến dầu và chất béo	2	30	30	0	0	0	0	4	1	210251		
4	210336	Công nghệ sau thu hoạch hạt cốc	3	60	30	30	0	0	0	4	1	210251		
5	210339	Công nghệ chế biến sữa	4	75	45	30	0	0	0	4	1	210251		
Cộng			15	278	173	105	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0303 - Phải đạt tối thiểu : 12 TC														
1	210309	Công nghệ chế biến trà, cà phê, cacao	3	45	45	0	0	0	0	4	2	210251 210371		
2	210340	Công nghệ chế biến rau quả	3	60	30	30	0	0	0	4	2	210371		
3	210403	Kỹ thuật ổn định thực phẩm bằng phương pháp đóng hộp	3	60	30	30	0	0	0	4	2	210251		
4	210558	Dinh dưỡng trong thể thao	3	60	30	30	0	0	0	4	2	210251		
5	210917	Khóa luận tốt nghiệp	12	180	0	0	0	0	180	4	2			
6	210918	Tiểu luận tốt nghiệp	6	90	0	0	0	0	90	4	2			
Cộng			30	495	135	90	0	0	270					



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

Mẫu in: C2040.009

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 33.19.../QĐ-DHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Công nghệ thực phẩm

Khoa đào tạo: Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

Mã ngành: 7540101

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Chuyên Ngành: Bảo quản chế biến NSTP và dinh dưỡng người

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
-----	-------------	--------------	-------	----	----	----	----	----	----	-----	--------	-----------	------------	-----------

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 121

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 37

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 3 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (12 TC)
2. Tiểu luận tốt nghiệp (6 TC) + 6 TC trong nhóm tự chọn 0303
3. Các học phần thay thế tốt nghiệp: Sinh viên phải đạt 12 TC trong nhóm tự chọn 0303

(A) Học phần cốt lõi (Assessed), những học phần có chữ (A) sinh viên phải đạt 5,5 điểm trở lên mới được tính điểm tích lũy. Dưới 5,5 sinh viên phải đăng ký học lại

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

Lưu ý: Ngoài số 158 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 08 tháng 8 năm 2024

Trưởng Khoa/Bộ môn


Hiệu trưởng
PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

Trưởng Phòng Đào tạo


TS. Võ Thái Dân


PGS.TS. Kha Chấn Tuyên